

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2017/DS-PT
Ngày: 11-9-2017
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn
Bà Nguyễn Thị Mai

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 139/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2017/QĐPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 31/8/2016).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thu T2, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1964;

3.2. Anh Lê Thành N1, sinh năm 1983;

3.3. Chị Lê Thị Hồng T3, sinh năm 1987;

3.4. Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thành N1, Lê Thị Hồng T3, Nguyễn Thị Mai L là bà Trần Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 31/8/2016).

3.5. Chị Lê Thị Hồng N2, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Tân T, xã Tân P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Hồng N2 là bà Trần Thị T1, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017).

3.6. Anh Trần Quốc T4, sinh năm 1991;

3.7. Anh Trần Quốc H, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc T4, Trần Quốc H là bà Lê Thị Thu T2, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp An P, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2016).

Người kháng cáo: Bà Trần Thị T1 là người được ông S là nguyên đơn ủy quyền và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Văn S trình bày:

Vào năm 1995, vợ chồng ông S và bà Trần Thị T1 có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn C (đã chết) phần đất lúa, nay được cấp đổi thành thửa số 305, tờ bản đồ 26 do ông Lê Văn S đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp An T, xã Hội A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, ông sử dụng đất đến năm 2006 thì ông S làm hợp đồng cầm cố thửa đất 305 cho ông Trần Quốc T5, khi đó ông T5 cũng đang canh tác thửa đất 288 do bà Lê Thị Q đứng tên quyền sử dụng

liền kề với thửa đất 305 của ông S. Khi cắm cố đất cho ông T5, thì giữa thửa đất 305 và thửa đất 288 có bờ ranh chiều ngang 0,5m là ranh giới giữa hai thửa đất và trên đất có 01 cây gạo lớn (đường kính dưới gốc khoảng 0,8m) cách bờ ranh giữa đất ông S và đất ông T5 đang canh tác khoảng 0,5m. Đến tháng 6/2015 ông S nhận đất lại để canh tác, thì biết được trong quá trình canh tác đất vợ chồng ông T5 và bà T2 đã lấn chiếm qua thửa đất 305 của ông S chiều ngang 0,5m và chạy dài hết thửa đất, cũng như đã đốn cây gạo của ông S có trên đất, ông T5 là con ruột duy nhất của bà Lê Thị Q, nay bà Q chết, ông T5 đã chết, vợ ông T5 là bà T2 đang canh tác thửa đất 288, nên ông S yêu cầu bà T2 phải trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích 74,5m² thuộc một phần của thửa 305 do ông S đứng tên quyền sử dụng và yêu cầu bà T2 phải trả lại giá trị cây gạo mà bà T2 đã tự ý đốn là 2.500.000 đồng. Đến ngày 12/01/2017 ông S khởi kiện bổ sung yêu cầu bà T2 phải trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích 78m² thuộc một phần của thửa 305 do ông S đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa ngày 04/7/2017 bà T1 là người được ông S ủy quyền xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà T2 phải trả giá trị cây gạo mà bà T2 đã tự ý đốn là 2.500.000đ. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông S là diện tích đất mà ông S đang sử dụng thiếu diện tích so với quyền sử dụng đất được cấp và bà T2 thừa nhận có đốn cây gạo như ông S đã trình bày, ông S không yêu cầu gì đối với các thành viên trong hộ bà T2 gồm Trần Quốc T4 và Trần Quốc H. Thống nhất giá trị đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2017.

- Bị đơn bà Lê Thị Thu T2 trình bày:

Bà thừa nhận thực tế đang sử dụng thửa đất số 288, tờ bản đồ số 26 do bà Lê Thị Q đứng tên quyền sử dụng và thửa đất này có một cạnh giáp ranh với thửa đất số 305 của ông Lê Văn S, bà T2 thừa nhận năm 2006 vợ chồng bà có hợp đồng cầm cố đất với vợ chồng ông S, bà T1 như bà T1 đã trình bày.

Nguồn gốc thửa đất số 288 là của ông bà để lại cho mẹ chồng bà là bà Lê Thị Q sử dụng từ trước năm 1975, năm 1993 bà Q đứng tên quyền sử dụng đất thửa 1866, đến ngày 20/01/2011 bà Q được cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 288, tờ bản đồ số 26. Năm 2012 bà Q chết, ông T5 là con trai và bà T2 là con dâu của bà Q thừa hưởng và sử dụng thửa đất này nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đến khoảng tháng 01/2016 âm lịch ông T5 chết nên bà T2 canh tác thửa đất này. Bà T2 khẳng định không có việc lấn chiếm như lời trình bày của bà T1, đồng thời bà T2 thừa nhận vào năm 2003 vợ chồng ông T5 và bà T2 có đốn cây gạo, nhưng đốn cây gạo trước khi bà T2 nhận cố đất của ông S. Bà T2 cho rằng cây gạo là của gia đình bà T2, vì cây gạo do ông ngoại của ông T5 trồng từ rất lâu. Khi phát sinh tranh chấp UBND xã Hội A hòa giải, bà T2 vì muốn thỏa thuận để sớm giải quyết tranh chấp và giữ hòa khí xóm riêng nên có đồng ý thống nhất ranh như hòa giải ở xã là lấy từ mốc 3 trên sơ đồ

đo đạc kéo đến tim cây gáo đến ranh đất ông T6 kéo thẳng đến mốc 4 làm ranh giới chung giữa hai bên. Tại phiên tòa bà T2 cung cấp chứng cứ về việc ông Lâm Văn T7 có biết cây gáo trên đất tranh chấp là do ông ngoại chồng của bà T2 trồng và trồng trên thửa đất 288. Nay bà T2 không đồng ý trả lại diện tích đất 78m² theo yêu cầu của ông S, không đồng ý trả lại giá trị cây gáo đã đốn là 2.500.000đ. Thống nhất giá trị tài sản tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2017.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Trần Thị T1 trình bày: Bà là vợ ông Lê Văn S, là thành viên trong hộ khẩu ông S. Trong vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông S và bà T2 thì bà T1 không yêu cầu gì mà để ông S được toàn quyền quyết định. Bà T1 thống nhất giá trị đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2017.

+ Anh Lê Thành N1, chị Lê Thị Hồng T3, chị Nguyễn Thị Mai L, chị Lê Thị Hồng N2 ủy quyền cho bà Trần Thị T1 trình bày là anh N1, chị T3, chị L, chị N2 là con trai, con gái và con dâu của ông Lê Văn S, là thành viên trong hộ khẩu của ông S. Trong vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông S và bà T2 thì anh N1, chị T3, chị L, chị N2 không yêu cầu gì mà để ông S được toàn quyền quyết định. Anh N1, chị T3, chị L, chị N2 thống nhất giá trị đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2017.

+ Anh Trần Quốc T4 và anh Trần Quốc H trình bày: Anh T4 và anh H là con của bà T2, là thành viên trong hộ khẩu của bà T2. Trong vụ án tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông S và bà T2 thì anh T4 và anh H không yêu cầu gì mà để bà T2 được toàn quyền quyết định. Anh T4 và anh H thống nhất giá trị đất tranh chấp như biên bản định giá tài sản ngày 10/01/2017.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn S về việc tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất đối với bị đơn Lê Thị Thu T2.

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 305 do ông Lê Văn S đứng tên quyền sử dụng với thửa 288 do bà Lê Thị Q đứng tên quyền sử dụng là:

+ Mốc 1 (điểm M2): Cách chuồng bò bên đất của Lê Thị M là 38,44m.

+ Mốc 2 (điểm M3): Là trụ đá cách điểm M2 là 13,15m và cách điểm M6 là 0,5m.

+ Mốc 3 (điểm M4): Là trụ đá, cách mã đá bên đất ông Lê Văn S 13,4m.

Nối mốc 1 đến mốc 2 đến mốc 3 thành các đường thẳng có chiều dài 149,6m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 305 và thửa đất 288 (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2016 và sơ đồ đo đạc thực tế phân đất tranh chấp kèm theo).

Ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tranh chấp về quyền sở hữu tài sản của ông Lê Văn S.

3. Về án phí: Ông Lê Văn S phải chịu 292.500đ (hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 08786 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, ông S được hoàn lại tiền chênh lệch là 7.500đ (bảy nghìn năm trăm đồng).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.610.000đ (bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng), ông S phải nộp (ông S đã nộp xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 18/7/2017 bà Trần Thị T1 có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, bà yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bà cho rằng lời khai của ông T7 là người làm chứng không khách quan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm mời ông Lâm Văn T7 đến phiên tòa để đối chất làm rõ lời khai của ông T7, và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án huyện L không xem xét ý kiến của bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà, hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T1 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông S khởi kiện yêu cầu bà T2 phải trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích $78m^2$ thuộc một phần của thửa 305 do ông đứng tên quyền sử dụng theo các mốc M1, mốc M6, mốc M5 của sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2016. Ông cho rằng vào năm 1996 ông có nhận chuyển nhượng đất của ông Phạm Văn C (đã chết) và của ông Lâm Văn T7 phần đất có bờ tre giáp ranh với phần đất nhận chuyển nhượng của ông C diện tích tổng cộng là $1.998m^2$ tại thửa 1894 tờ bản đồ số 01, đến 08/8/2013 thì ông được cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa 305, tờ bản đồ số 26 diện tích $2.454m^2$.

Năm 2006 ông làm hợp đồng cầm cố đất cho ông T5 và bà T2 thì giữa hai thửa đất 305 và thửa 288 của ông T5, bà T2 có bờ ranh chiều ngang 0,5m, chiều dài hết thửa đất và nửa bờ ranh là ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai thửa đất. Tuy hiện nay bờ ranh giữa hai thửa đất vẫn còn, nhưng không đúng bờ ranh mà khi ông giao phần đất cầm cố cho ông T5 và bà T2 sử dụng, quá trình sử dụng đất ông T5 và bà T2 đã có hành vi lấn chiếm qua thửa đất 305 của ông. Năm 2015 khi nhận lại đất sử dụng, qua kiểm tra mới biết được cây gáo có trên đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông S vì cây gáo nằm trên phần đất bờ tre trước đây ông nhận chuyển nhượng đất của ông T7.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử bà T1 là người được ông S ủy quyền và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử. Xét yêu cầu kháng cáo của bà T1 là không có căn cứ. Bởi vì, theo yêu cầu của ông S cho rằng bà T2 lấn chiếm phần diện tích $78m^2$ theo các mốc M1, mốc M6, mốc M5, việc yêu cầu của ông S, bà T2 không đồng ý, bà T2 cho rằng quá trình sử dụng thửa đất 305 và thửa 288 thời gian từ năm 2006 đến 2015, vợ chồng bà không có lấn chiếm đất của ông S, vì trong thời gian vợ chồng bà canh tác thì bờ ranh nằm giữa thửa 305 và thửa 288 tồn tại từ rất lâu và hiện nay bờ ranh giữa 2 bên vẫn còn không thay đổi, nên bà không đồng ý trả $78m^2$ đất tranh chấp theo yêu cầu của ông S, mà đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất là nửa bờ ranh sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 305 và thửa 288 theo mốc M2, mốc M3, mốc M4.

[3] Đối với cây gáo có trên phần đất tranh chấp không thuộc quyền sở hữu của ông S, vì cây gáo này do ông ngoại của ông T5 là ông S1 trồng rất lâu, việc này có ông Lâm Văn T7 chủ sử dụng một phần của thửa đất 305 trước đây xác định khi chuyển nhượng phần đất bờ tre cho ông S phần đất trên không có cây gáo nào của ông trồng trên bờ đất này.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lâm Văn T7 cũng khẳng định cây gáo không nằm trên phần đất mà ông chuyển nhượng cho ông S, bà T1, mà cây gáo này nằm trên phần đất của ông S1 là ông ngoại chồng của bà T2 và là cha ruột

của bà Q trồng trước khi ông chuyển nhượng đất cho ông S, còn phần đất ông trồng 04 bụi tre gai ông đã chuyển nhượng cho ông S cách phần đất của ông S1 hiện nay bà T2 đang sử dụng khoảng 02m.

Do đó, qua lời khai của ông T7 tại phiên tòa phúc thẩm xác định cây gáo ông S, bà T1 đang tranh chấp không phải do ông T7 trồng, nên việc ông S căn cứ vào diện tích thực tế đang sử dụng thiếu diện tích so với quyền sử dụng đất ông được cấp cùng cây gáo có trên đất tranh chấp và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 305 và thửa 288 tính từ mốc M1 đến mốc M6 đến mốc M5 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L mà cho rằng bà T2 lấn chiếm diện tích đất 78m² là không có căn cứ.

Thực tế thì cả hai thửa đất 305 và 288 đang tranh chấp đều thiếu diện tích so với quyền sử dụng đất được cấp, trong đó đất ông S thiếu 150m², thửa 305 cấp 2.454m², đo đạc thực tế là 2.203m² và đất bà Q hiện bà T2 đang sử dụng thiếu 317m², thửa 288 diện tích cấp là 2.262m², đo đạc thực tế 1.945m².

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông S là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm giữ nguyên nên bà T1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, đối với phần quyết định trong bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, mà giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị T1.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 23/2017/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn S về việc tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất đối với bị đơn Lê Thị Thu T2.

- Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất.
- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 305 do ông Lê Văn S đứng tên quyền sử dụng với thửa 288 do bà Lê Thị Q đứng tên quyền sử dụng (hiện bà Lê Thị Thu T2 đang quản lý sử dụng) được xác định như sau:

- + Mốc M2: Cách chuồng bò bên đất của bà Lê Thị M là 38,44m.
- + Mốc M3: Là trụ đá cách mốc M2 là 13,15m và cách mốc M6 là 0,5m.
- + Mốc M4: Là trụ đá, cách mã đá bên đất ông Lê Văn S 13,4m.

Nối mốc M2 đến mốc M3 đến mốc M4 thành các đường thẳng có chiều dài 149,6m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 305 và thửa đất 288 (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/12/2016 và sơ đồ đo đạc thực tế phân đất tranh chấp kèm theo).

Ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nên người có quyền sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới trong khuôn viên đất, các tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tranh chấp về quyền sở hữu tài sản của ông Lê Văn S.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn S phải chịu 292.500đ (hai trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 08786 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Ông S được hoàn lại tiền chênh lệch là 7.500đ (bảy nghìn năm trăm đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 16557 ngày 19/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (bà T1 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 4.610.000đ (bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng), ông S phải nộp (ông S đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội